

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Sách và Thiết bị Bình Định

Ngày 31/03/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.5%	9.5%	-7.0%

DT thuần Q1/25
3.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.66 -71.6%
YoY: ▲ 0.62 21.9%

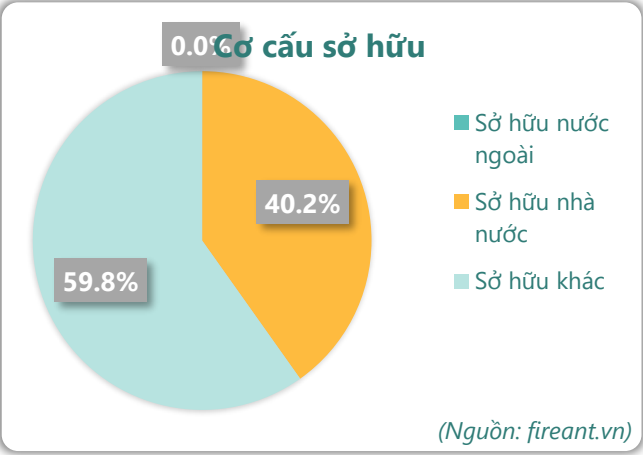
LN thuần Q1/25
-0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.19 -242%
YoY: ▼0.17 -289%

LN sau thuế Q1/25
-0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.25 -223%
YoY: ▼0.17 -551%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-1.8%
YoY: +/-▼ 3.3%

ROE (TTM) Q1/25
4.1%
YoY: +/-▼ 0.9%

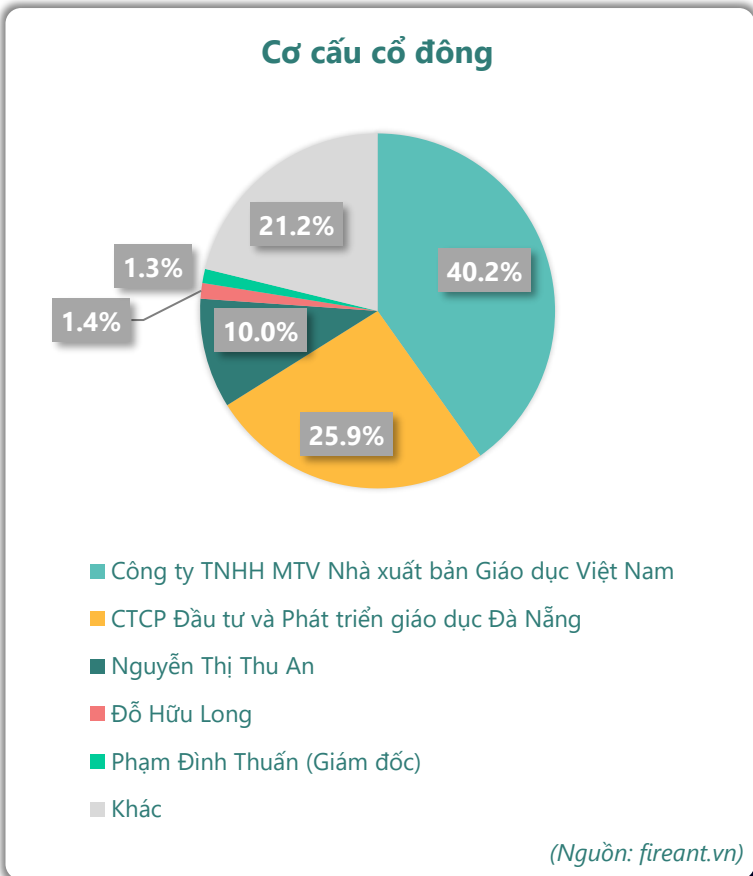
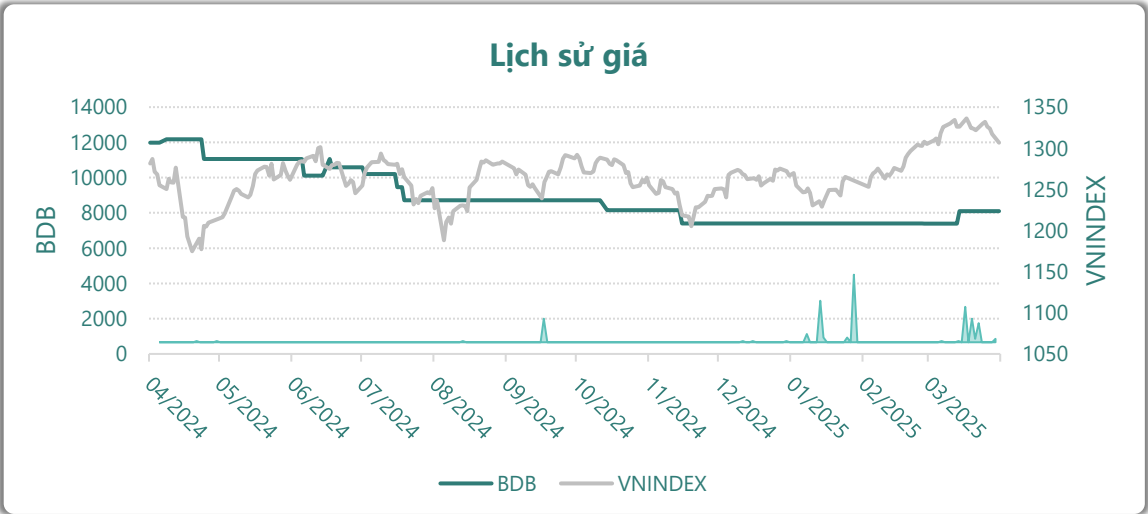
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,400 - 12,177
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9
Số lượng CPLH (CP)	1,126,474
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	464
P/E	17.4



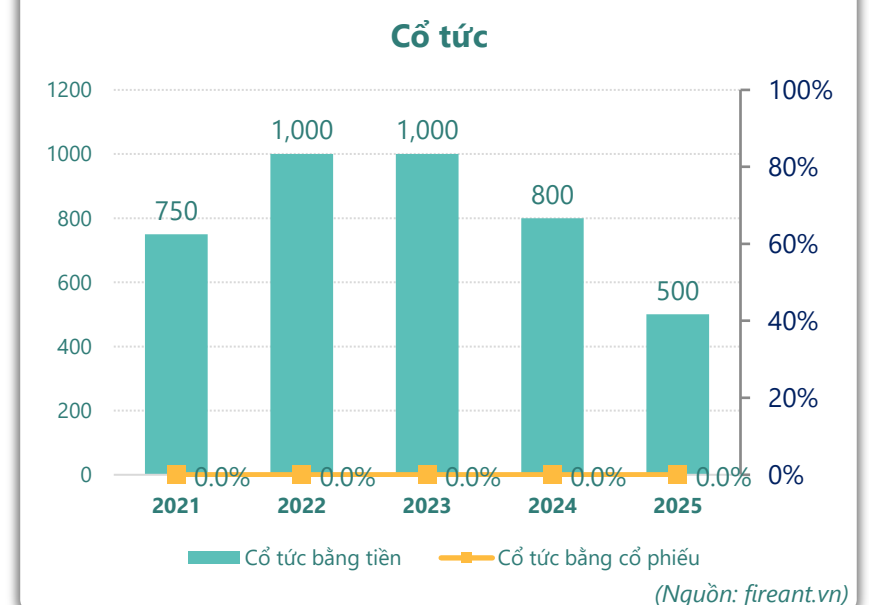
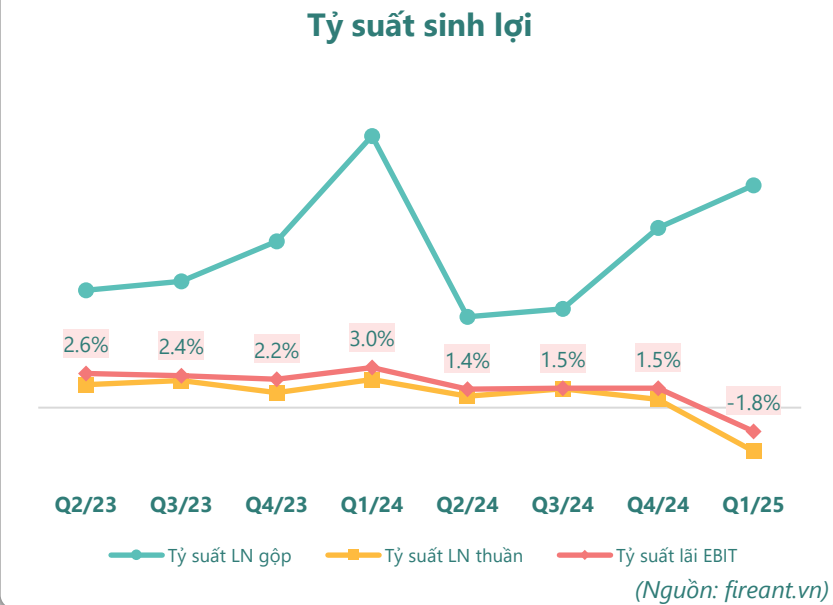
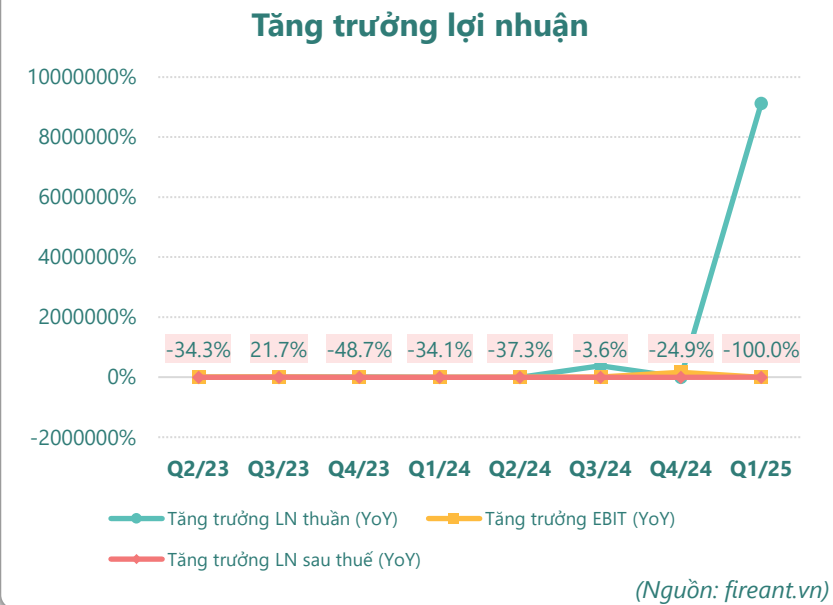
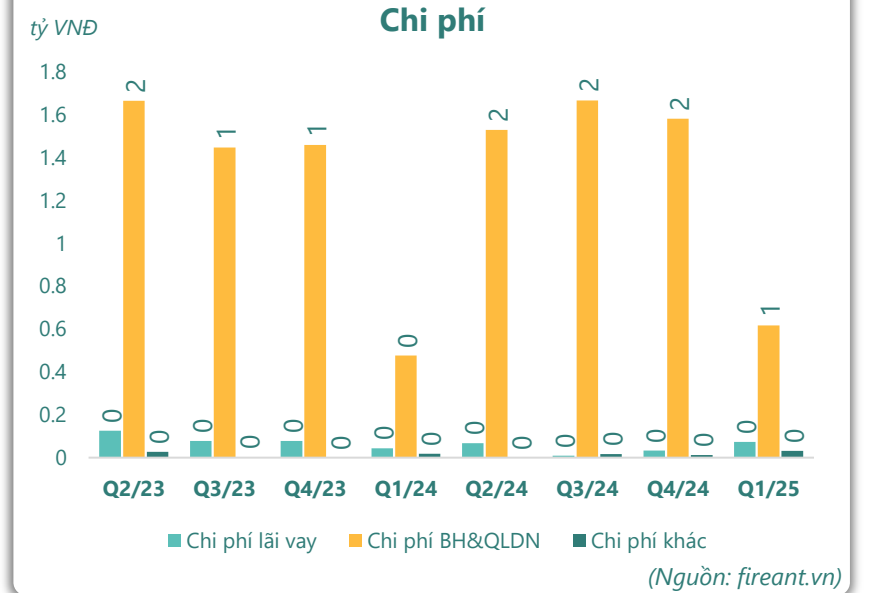
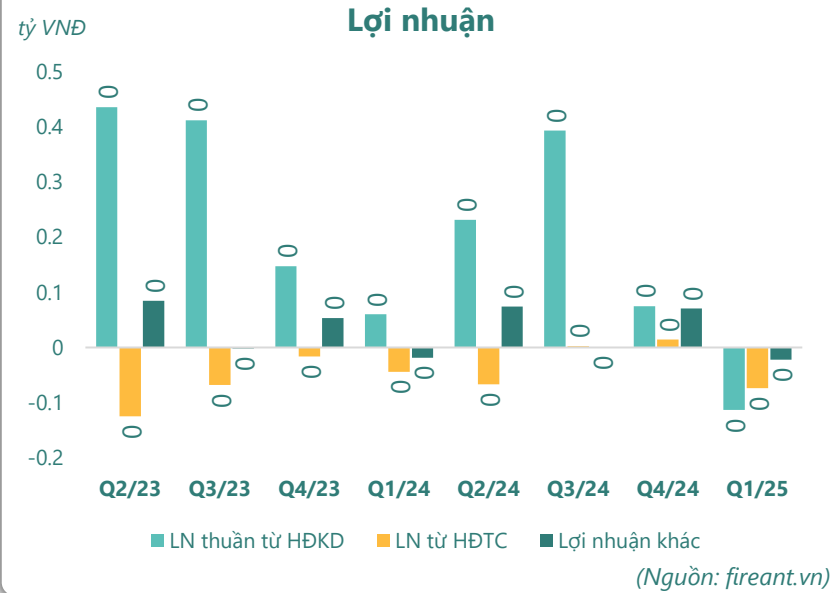
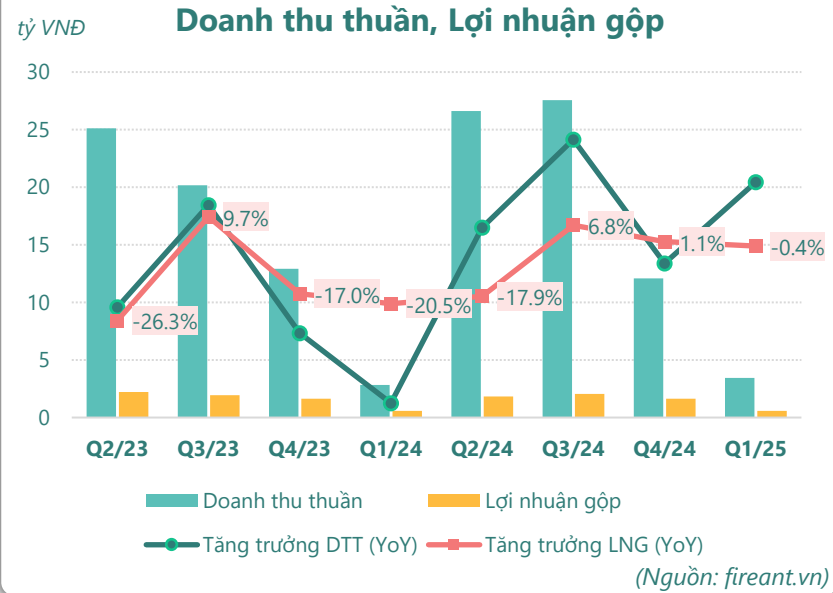
DT thuần 2024
69.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.60 7.1%

LN thuần 2024
0.76
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.33 -30.0%

LN sau thuế 2024
0.68
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.26 -27.7%



KẾT QUẢ KINH DOANH

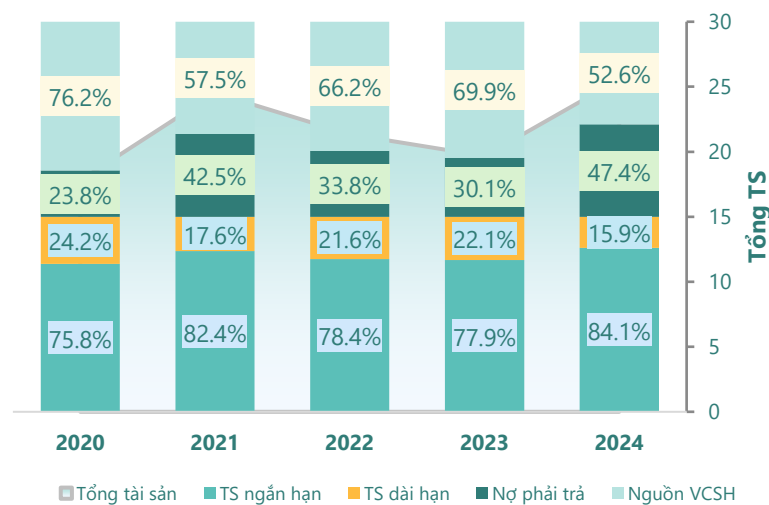




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

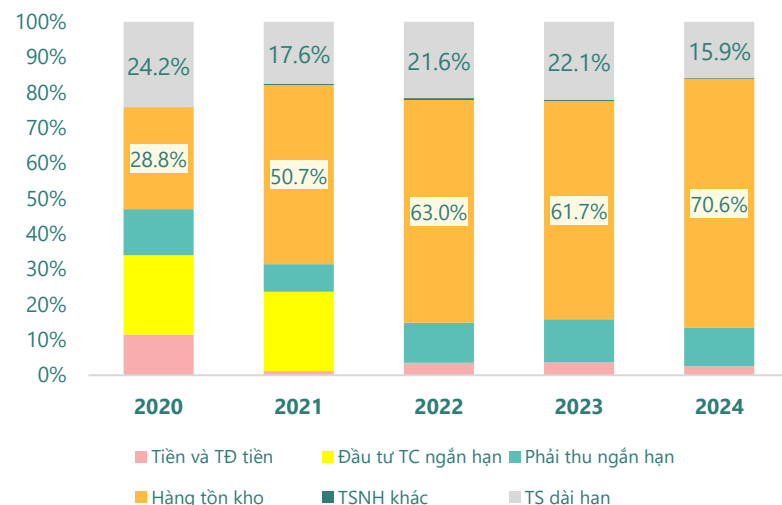
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

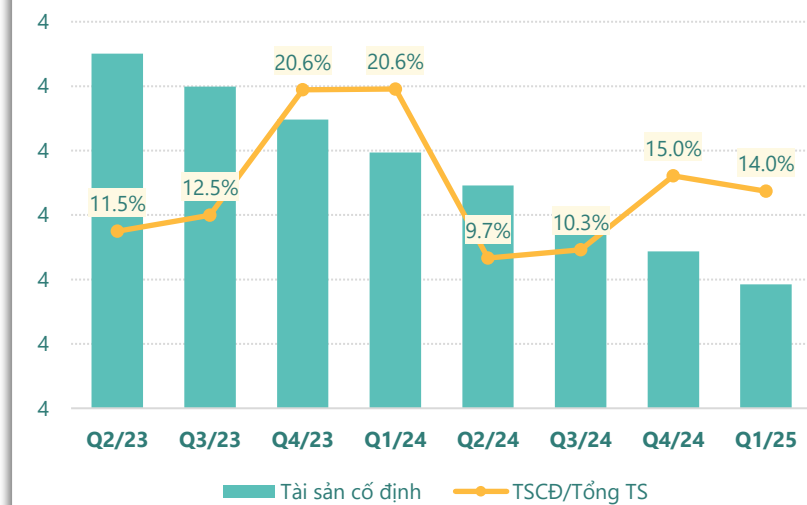
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

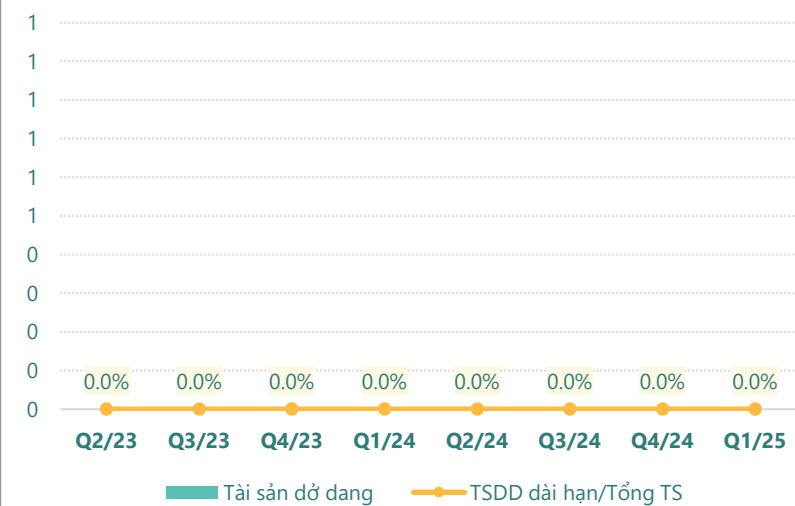
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

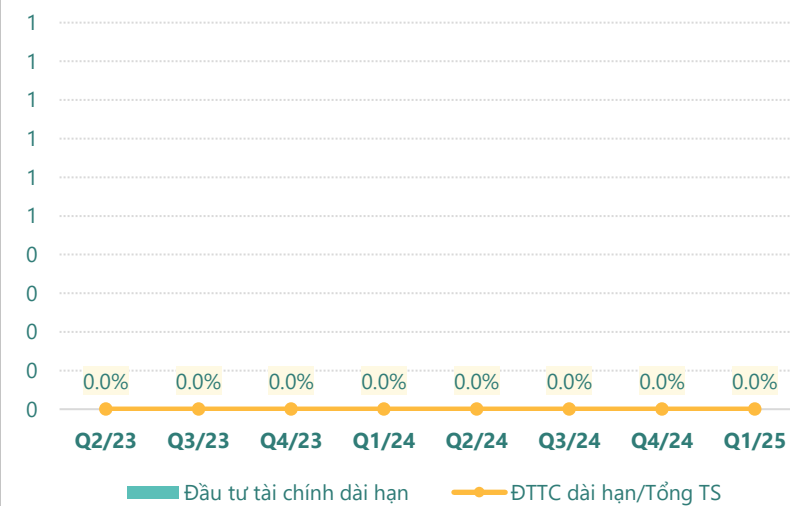
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

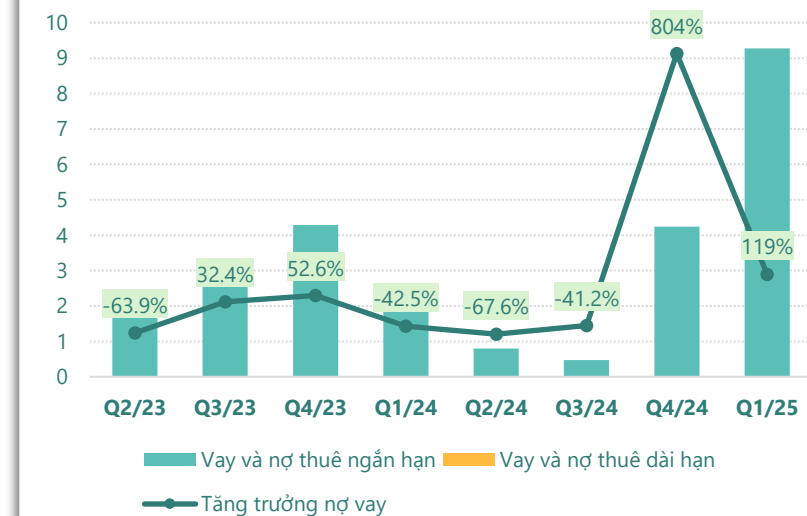
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

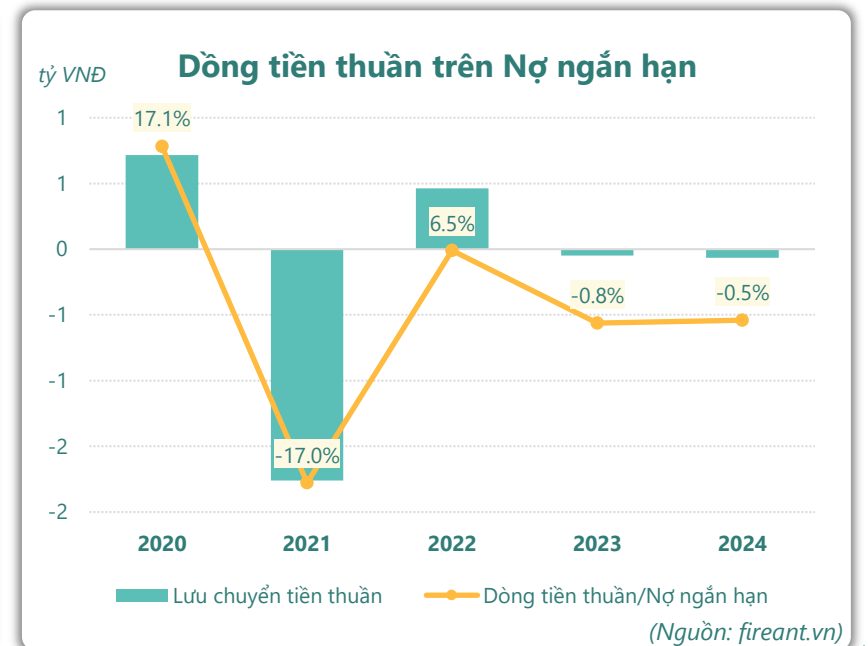
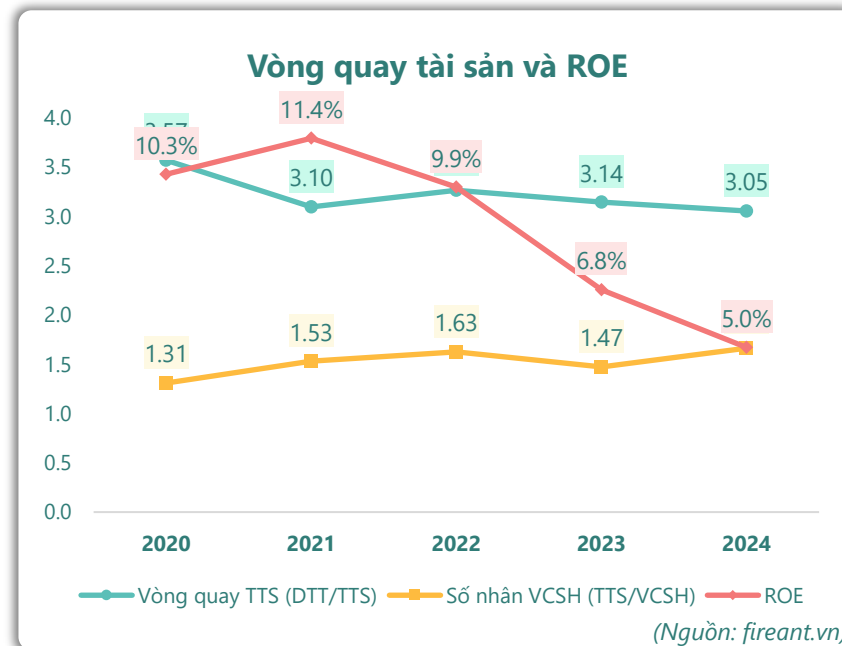
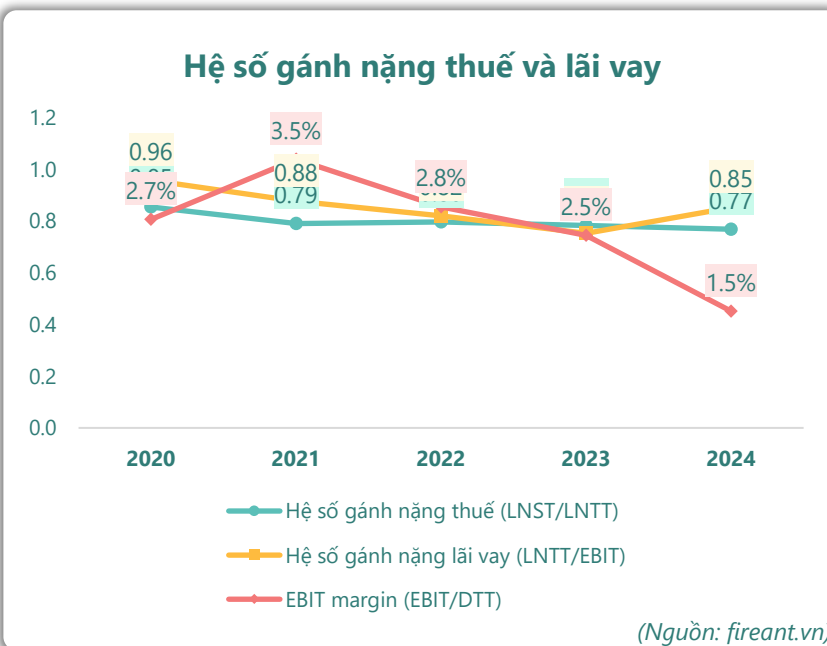
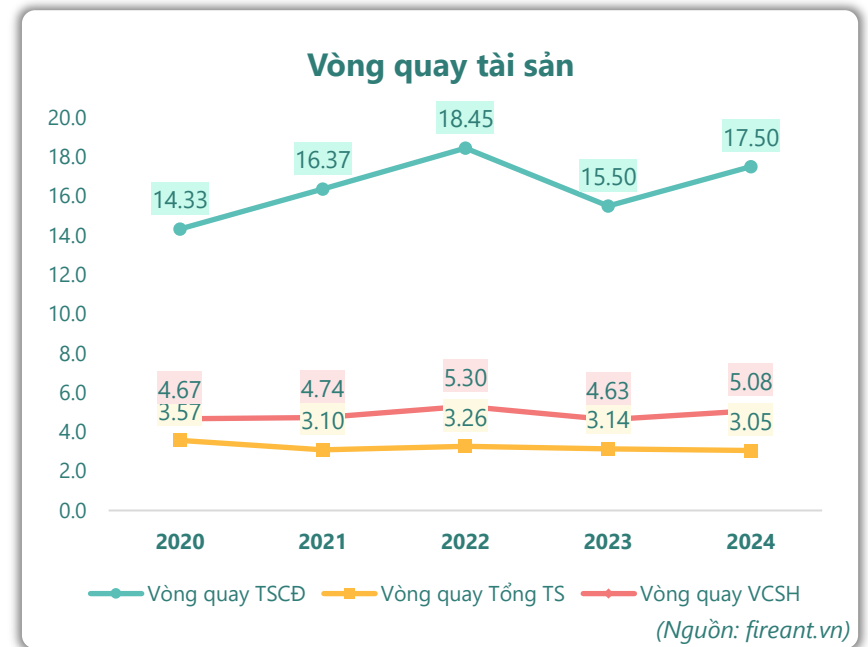
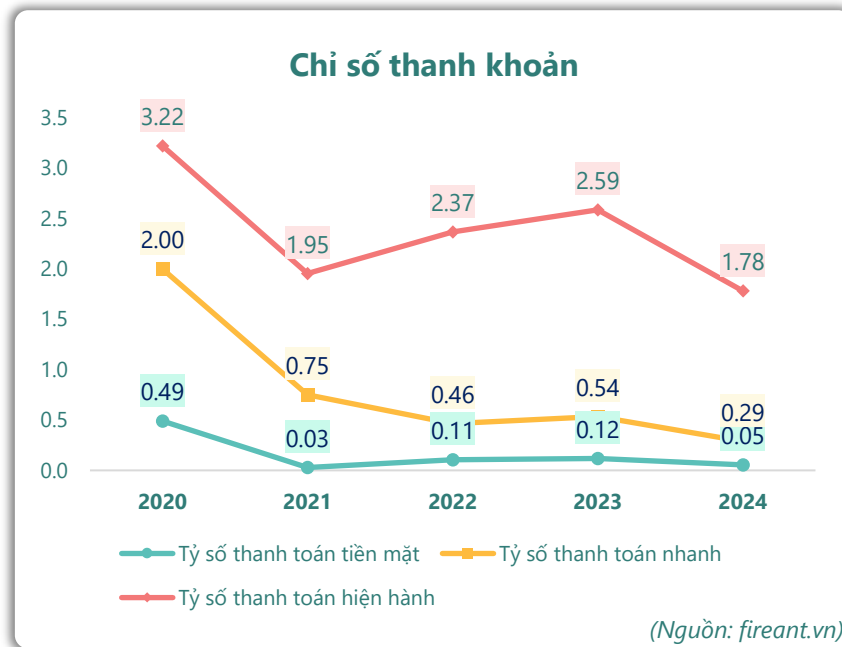
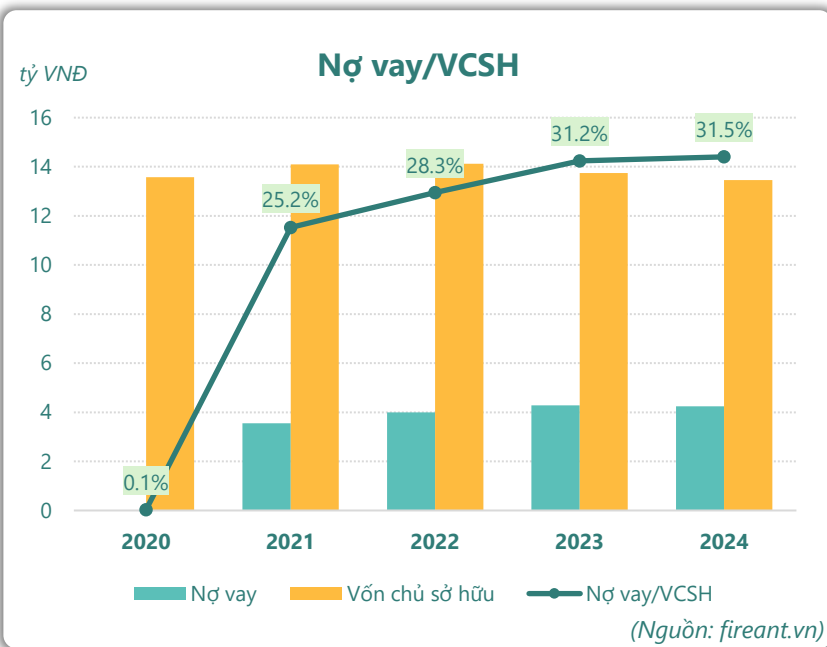
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3.44	2.82	21.9%	69.1	64.5	7.1%
Giá vốn hàng bán	2.86	2.24	27.6%	62.9	58.0	8.6%
Lợi nhuận gộp	0.58	0.58	-0.4%	6.11	6.51	-6.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.06	0.08	-27.8%
Chi phí TC	0.07	0.04	84.2%	0.15	0.40	-61.4%
Chi phí lãi vay	0.07	0.04	84.2%	0.15	0.40	-61.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.17	0.19	-8.2%	2.93	2.63	11.4%
Chi phí QLDN	0.44	0.29	52.8%	2.32	2.48	-6.2%
LN thuần từ HĐKD	-0.11	0.06	-289%	0.76	1.09	-30.0%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.02	-9.6%	0.13	0.12	6.9%
LN trước thuế	-0.14	0.04	-438%	0.89	1.21	-26.4%
Lợi nhuận sau thuế	-0.14	0.03	-551%	0.68	0.94	-27.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.14	0.03	-551%	0.68	0.94	-27.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.28	1.50	2.59	2.83	-5.83	-4.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	-1.49	1.50	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.48	-1.82	-2.55	-0.34	3.54	4.29
Tiền đầu kỳ	0.51	0.71	0.39	0.43	1.43	0.64
Lưu chuyển tiền thuần	0.19	-0.32	0.04	1.00	-0.79	-0.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.71	0.39	0.43	1.43	0.64	0.45

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	27.0	25.6	5.7%
Tài sản ngắn hạn	23.0	21.5	7.1%
Tiền và tương đương tiền	0.45	0.64	-30.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3.15	2.78	13.2%
Hàng tồn kho	19.3	18.0	6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.18	0.05	246%
Tài sản dài hạn	4.01	4.06	-1.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3.79	3.84	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.21	0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14.5	12.1	20.2%
Nợ ngắn hạn	14.5	12.1	20.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.27	4.24	119%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.06	7.47	-45.6%
Nợ dài hạn	0	0.03	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	12.5	13.5	-7.2%
Vốn chủ sở hữu	12.5	13.5	-7.2%
Vốn điều lệ	11.3	11.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

